ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

SỰ BIẾN ĐỔI CỦA Ý THỨC ĐẠO ĐỨC THANH NIÊN DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA KINH TẾ THỊ TRƯỜNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Chuyên ngành: Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử
Mã số: 9229001.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

HÀ NỘI - 2026

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS. TS. Nguyễn Thị Thúy Vân
2. TS. Trần Thị Điểu

Phản biện 1 GS.TS. Trần Văn Phòng

Phản biện 2: GS. TS. Nguyễn Văn Tài

Phản biện 3: PGS. TS. Nguyễn Thị Như Huế

Luận án được bảo vệ trước hội đồng cấp Đại học Quốc gia chấm luận án tiến sĩ họp tại: P302 Nhà E, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn
vào hồi 8 giờ 30 phút ngày 27 tháng 10 năm 2026

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm thông tin – thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài luận án

Trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế, quá trình Việt Nam đang từng bước xây dựng và hoàn thiện nền kinh tế thị trường (KTTT) định hướng Xã hội chủ nghĩa (XHCN) đã tạo ra những chuyển biến sâu sắc trong đời sống kinh tế, xã hội, đặc biệt là sự vận động và biến đổi của hệ giá trị và chuẩn mực đạo đức.

Với tư cách là một hình thái ý thức xã hội đặc thù, ý thức đạo đức (YTĐĐ) phản ánh các quan hệ xã hội và điều chỉnh hành vi của con người thông qua hệ thống các chuẩn mực và giá trị được xã hội thừa nhận. Tuy nhiên, các giá trị và chuẩn mực đạo đức không phải là những yếu tố bất biến mà luôn gắn với những điều kiện lịch sử - xã hội cụ thể. Trong điều kiện KTTT, sự phát triển của quan hệ hàng hóa - tiền tệ, quá trình toàn cầu hóa và sự đa dạng hóa các quan hệ xã hội đã làm cho hệ giá trị xã hội trở nên phong phú hơn, đồng thời cũng đặt ra những thách thức đối với việc duy trì và phát triển các chuẩn mực đạo đức truyền thống. Các nghiên cứu về biến đổi giá trị trong xã hội hiện đại cho thấy quá trình hiện đại hóa và phát triển KTTT thường kéo theo sự chuyển dịch đáng kể trong hệ giá trị và chuẩn mực đạo đức của các nhóm xã hội, đặc biệt là thế hệ trẻ.

Thanh niên (TN) là lực lượng xã hội có vị trí đặc biệt quan trọng luôn chịu tác động mạnh mẽ từ những biến đổi kinh tế - xã hội. Với đặc điểm tâm lý năng động, khả năng thích ứng nhanh và mức độ tham gia cao vào nhiều lĩnh vực, TN thường là nhóm xã hội tiếp nhận nhanh nhất các giá trị và chuẩn mực mới, là chủ thể tích cực trong việc sáng tạo và lan tỏa các giá trị văn hóa, đạo đức. Do đó, ở phương diện xã hội, sự biến đổi trong YTĐĐ của TN không chỉ phản ánh những chuyển biến của đời sống kinh tế, chính trị, xã hội mà còn thể hiện những xu hướng biến đổi cơ bản của đời sống đạo đức, tinh thần của xã hội, và ở phương diện cá nhân, sẽ trực tiếp chi phối hành vi, quan hệ đạo đức của TN, qui định hướng phát triển nhân cách của người trẻ - những chủ nhân tương lai của đất nước

Qua 40 năm đổi mới, yêu cầu xây dựng con người Việt Nam trong đó có TN mang gốc nhân cách là nền tảng đạo đức tiến bộ luôn được Đảng ta hết

sức chú trọng. Bước vào kỉ nguyên mới, Đại hội khóa XIV của Đảng tiếp tục nhấn mạnh: "Phát triển toàn diện con người Việt Nam về đạo đức, trí tuệ, ý thức dân tộc, trách nhiệm công dân, thượng tôn pháp luật, năng lực sáng tạo, thẩm mỹ, thể lực, kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng số". Tuy nhiên, thực tiễn xã hội Việt Nam cho thấy KTTT đã tạo ra nhiều cơ hội mới cho TN phát triển, khuyến khích tinh thần năng động, sáng tạo, ý thức tự lập, đồng thời cũng làm nảy sinh những vấn đề tiêu cực trong đạo đức TN như lối sống thực dụng, đề cao lợi ích cá nhân quá mức, xa rời truyền thống văn hóa, suy giảm ý thức trách nhiệm xã hội và tuân thủ pháp luật, thờ ơ với đời sống chính trị xã hội, chuộng sống ảo,..

Điều này cho thấy những mặt đối lập phức tạp của các vấn đề xã hội, giữa một bên là yêu cầu xây dựng, bảo tồn và phát triển hệ giá trị đạo đức cho TN phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững con người Việt Nam trong kỉ nguyên mới và một bên là những biến đổi phức tạp của ý thức đạo đức thanh niên (YTĐĐTN) dưới tác động của KTTT. Mâu thuẫn đó đặt ra yêu cầu phải nhận diện để nghiên cứu một cách có hệ thống và cập nhật về sự biến đổi của YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam hiện nay. Việc nghiên cứu này vì vậy có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn, góp phần làm rõ những biểu hiện biến đổi của YTĐĐTN, đồng thời cung cấp cơ sở khoa học cho việc xây dựng các định hướng và giải pháp nhằm phát huy các giá trị đạo đức tích cực, hạn chế những biểu hiện lệch chuẩn, qua đó góp phần xây dựng thế hệ TN Việt Nam phát triển toàn diện trong giai đoạn mới.

Với những lí do trên, tác giả lựa chọn vấn đề nghiên cứu: *"Sự biến đổi của ý thức đạo đức thanh niên dưới tác động của kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay"* làm đề tài luận án của mình.

2. Mục đích nghiên cứu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở phân tích, làm rõ những nội dung lý luận và thực tiễn của quá trình biến đổi YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam hiện nay, luận án đề xuất một số quan điểm định hướng và giải pháp nhằm góp phần thúc đẩy

những biến đổi tích cực và hạn chế những biến đổi tiêu cực trong YTĐĐTN ở Việt Nam hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Tổng quan những công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài, đánh giá những đóng góp và khoảng trống nghiên cứu của các công trình về mặt lý luận, thực tiễn và giải pháp, từ đó chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tiếp tục nghiên cứu.

- Hệ thống hóa, xây dựng những nội dung lý luận về YTĐĐTN và sự biến đổi YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam hiện nay.

- Phân tích và đánh giá thực trạng sự biến đổi của YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam, chỉ ra những nguyên nhân cơ bản và những vấn đề đặt ra từ sự biến đổi đó.

- Đề xuất một số quan điểm định hướng và giải pháp cơ bản nhằm nhằm thúc đẩy những biến đổi tích cực và hạn chế những biến đổi tiêu cực trong YTĐĐTN thời gian tới.

3. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu:

Sự biến đổi của YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu:

- *Về nội dung nghiên cứu:*

Thứ nhất, Từ góc độ tiếp cận triết học trong mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, luận án chỉ tập trung nghiên cứu sự biến đổi YTĐĐTN dưới tác động của KTTT.

Thứ hai, Luận án khảo cứu sự biến đổi YTĐĐTN theo cấu trúc của YTĐĐTN, thể hiện ở ba mối quan hệ chủ đạo: (1) Sự biến đổi YTĐĐTN trong mối quan hệ của TN với chính bản thân; (2) Sự biến đổi YTĐĐTN trong mối quan hệ của TN với gia đình và xã hội; (3) Sự biến đổi YTĐĐTN trong mối quan hệ của TN với môi trường sống tự nhiên.

- *Về thời gian nghiên cứu*: từ năm 2001 đến nay.

- *Về khách thể nghiên cứu*: Các tài liệu mà Luận án khảo cứu tập trung ở bốn nhóm TN phân chia theo nghề nghiệp điển hình là: TN nông dân; TN

công nhân; TN học sinh, sinh viên; TN công chức, viên chức.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án dựa trên cơ sở phương pháp luận của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử, Tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách, pháp luật của Nhà nước về TN, về đạo đức TN, và giáo dục đạo đức TN trong điều kiện phát triển KTTT ở Việt Nam hiện nay.

Luận án vận dụng các quan điểm, nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, đặc biệt là quan điểm về sự vận động, phát triển, nguyên lý tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội, mối quan hệ biện chứng giữa các hình thái ý thức xã hội, trong đó chú ý đến mối quan hệ giữa YTĐĐ và các hình thái ý thức xã hội khác, mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng (các quan hệ kinh tế) và kiến trúc thượng tầng (đạo đức).

4.2. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể

Luận án kết hợp các phương pháp: phân tích và tổng hợp, thống nhất lịch sử – logic, liên ngành (triết học, xã hội học, tâm lý học, giáo dục học), phương pháp khảo cứu số liệu, thống kê, so sánh, tổng kết thực tiễn,v.v…

5. Đóng góp khoa học của luận án

- Luận án góp phần làm rõ và hoàn thiện những vấn đề lý luận về YTĐĐTN dưới tác động của KTTT, từ đó chỉ ra tính tất yếu, đặc điểm và biểu hiện biến đổi YTĐĐTN dưới tác động của KTTT.

- Trên cơ sở các dữ liệu và các phân tích thực tiễn, luận án đã đưa ra một bức tranh tương đối cập nhật về thực trạng biến đổi YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam hiện nay, từ đó, có những đánh giá về thực trạng và chỉ ra những nguyên nhân cùng những vấn đề đặt ra từ thực trạng biến đổi đó.

- Luận án đã đề xuất một số quan điểm định hướng và giải pháp đồng bộ, gắn với điều kiện KTTT, nhằm định hướng sự biến đổi YTĐĐTN theo hướng kết hợp hài hòa giữa phát triển cá nhân và phát triển xã hội.

6. Ý nghĩa của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận án góp phần bổ sung, hoàn thiện lý luận triết học về mối quan hệ giữa KTTT và YTĐĐ xã hội, đặc biệt là YTĐĐTN và sự biến đổi của YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

- Luận án góp phần làm rõ thực trạng biến đổi của YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam hiện nay.

- Luận án góp phần gợi mở các giải pháp khả thi nhằm định hướng, nâng cao YTĐĐ cho TN, phù hợp với yêu cầu xây dựng con người Việt Nam trong bối cảnh phát triển KTTT gắn liền hội nhập quốc tế, chuyển đổi số hiện nay.

- Luận án góp phần cung cấp những phân tích, luận giải khoa học làm cơ sở cho việc hoạch định chính sách công tác thanh niên, đề ra phương hướng giáo dục đạo đức TN trong thời kì mới

- Luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho giảng dạy, nghiên cứu về đạo đức học, triết học xã hội, công tác thanh niên.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, Danh mục các công trình khoa học đã công bố của tác giả, Phụ lục, luận án bao gồm 4 chương và 13 tiết.

NỘI DUNG
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1.Những công trình nghiên cứu lý luận về đạo đức, YTĐĐ, YTĐĐTN dưới tác động của KTTT

*Về các công trình nghiên cứu trong nước: Đã có nhiều công trình nghiên cứu hướng đến những vấn đề lí luận cơ bản của đạo đức, YTĐĐ như khái niệm, chức năng, cấu trúc, các mối quan hệ của đạo đức, các nhân tố tác động đến đạo đức, đến YTĐĐTN, trong đó có các nghiên cứu về sự

tác động của KTTT đạo đức và YTĐĐTN như: Tác giả Huỳnh Khái Vinh (2001) với cuốn "Một số vấn đề về lối sống, đạo đức, chuẩn giá trị xã hội", tác giả Nguyễn Thế Kiệt (2012) với cuốn "Mấy vấn đề đạo đức học Mácxít và xây dựng đạo đức trong điều kiện KTTT ở Việt Nam hiện nay", tác giả Nguyễn Thị Thúy Vân (2011) với bài viết: "Mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật trong nền KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam",...

* Về các công trình nghiên cứu ở nước ngoài: Có thể kể đến như cuốn "The Oxford Handbook of Ethical Theory" (Cẩm nang Oxford về Lý thuyết Đạo đức) của nhóm tác giả Mandelbaum & Stears, eds. (2015), cuốn "Moral awareness and ethical predispositions: Investigating the role of individual differences in the recognition of moral issues" (Ý thức đạo đức và khuynh hướng đạo đức: Nghiên cứu vai trò của sự khác biệt cá nhân trong việc nhận biết các vấn đề đạo đức) của Reynolds (2006),..

1.2. Những công trình nghiên cứu về thực trạng biến đổi đạo đức TN và biến đổi YTĐĐTN dưới tác động của KTTT

* Về các công trình nghiên cứu trong nước có thể kể đến: tác giả Lê Thị Tuyết Ba (2010) với cuốn "YTĐĐ trong điều kiện KTTT ở Việt Nam hiện nay", tác giả Phạm Hồng Tung (2011) với cuốn: "TN và lối sống của TN Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế", tác giả Nguyễn Thị Quỳnh Hoa (2018) với đề tài "Sự chuyển đổi định hướng giá trị của TN hiện nay", Luận án Tiến sĩ triết học "Ý thức đạo đức sinh viên Việt Nam hiện nay"của tác giả Võ Minh Tuấn (2004),...

* Về các công trình nghiên cứu của nước ngoài có thể kể đến như: nhóm nghiên cứu Yanitskiy (2020) và các cộng sự có bài viết "Generation Z Value Preferences And Their Sociocultural Determinants" (Sở thích về giá trị của thế hệ Z và các yếu tố văn hóa xã hội quyết định). Nghiên cứu về tình hình TN Châu Á trong đó có TN Việt Nam, có thể kể đến Báo cáo nghiên cứu TN trong khu vực Asean của tổ chức VERO-ASEAN (2024) với chủ đề "Empowering Southeast Asia's Youth Through Policy Change" (Tăng cường năng lực cho TN Đông Nam Á thông qua thay đổi chính sách)…

Có thể nói, các công trình đã khái quát thực trạng bức tranh khá sinh động phong phú, đa chiều về thực tiễn đạo đức và YTĐĐTN trong bối cảnh KTTT hiện đại

1.3. Những công trình nghiên cứu về định hướng và giải pháp thúc đẩy biến đổi tích cực của đạo đức TN và YTĐĐTN dưới tác động của KTTT

* Về các công trình nghiên cứu trong nước:

Đề xuất giải pháp liên quan đến giải quyết đúng đắn mối quan hệ biện chứng giữa truyền thống và hiện đại điển hình như: nghiên cứu của Ngô Thị Thu Ngà (2011): "Giá trị đạo đức truyền thống với việc xây dựng đạo đức mới cho thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay; nghiên cứu của Nguyễn Thị Như Huế (2024): "Educating a New Generation: Blending Traditional and Contemporary Standards for Vietnamese Youth" ("Giáo dục thế hệ trẻ Việt Nam: Sự dung hòa giữa chuẩn mực truyền thống và hiện đại") …

Nghiên cứu giải pháp liên quan đến giải quyết mối quan hệ giữa đạo đức với các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, pháp luật, tôn giáo, triết học,... tiêu biểu như: nghiên cứu của Trần Thi Điểu (2020):"Giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh" - Vì tương lai phát triển bền vững của đất nước"; nghiên cứu của Đào Văn Minh (2014): "Kết hợp giữa giáo dục pháp luật với giáo dục đạo đức cho TN quân đội hiện nay,...

Bàn về giải pháp liên quan đến phát huy vai trò của các thiết chế xã hội trong giáo dục đạo đức TN như: Nghiên cứu của Lê Ngọc Anh (2002): "Vấn đề giáo dục đạo đức và nếp sống gia đình truyền thống trong nền KTTT ở nước ta hiện nay"; Nghiên cứu của Đặng Kim Oanh (2015): "Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong xây dựng đạo đức, lối sống văn hoá cho thanh niên hiện nay"; nghiên cứu của Đỗ Ngọc Hà (2014): "Giải pháp của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh về giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước",...

* Về các công trình nghiên cứu của nước ngoài:

Hướng đến phát huy tự giáo dục đạo đức trong phát triển YTĐĐTN có nghiên cứu của Alieksieieva (2006). Bàn về giải pháp liên quan đến ứng xử

có đạo đức khi sử dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI), nhóm tác giả Johnston, H., Wells, R.F., Shanks, E.M. et al. (2024) đã nhấn mạnh vai trò của nhà trường đối với TN trong bài viết "Student perspectives on the use of generative artificial intelligence technologies in higher education" (Quan điểm của sinh viên về việc sử dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo tạo sinh trong giáo dục đại học). Nhấn mạnh đến định hướng chính sách của quốc gia trên bình diện toàn cầu để hỗ trợ, chăm lo phát triển TN và đạo đức TN có nghiên cứu của tổ chức VERO-ASEAN (2024) …

1.4. Khái quát kết quả các công trình nghiên cứu đã được tổng quan có liên quan đến đề tài luận án và hướng tiếp cận nghiên cứu của luận án

1.4.1. Đánh giá chung các công trình nghiên cứu đã được tổng quan

Các công trình có những đóng góp nhất định về lí luận và thực tiễn. Tuy nhiên, từ góc độ nghiên cứu của mình, tác giả thấy một số khoảng trống của các nghiên cứu trong nước hiện nay như sau:

- Chưa có nhiều các công trình nghiên cứu trước đây đi sâu phân tích, khái quát cơ chế tác động của KTTT đến YTĐĐTN, đặc biệt là vai trò trung gian của gia đình, nhà trường, tổ chức TN, truyền thông số, quan điểm dư luận xã hội trong mối liên hệ giữa cơ chế thị trường và YTĐĐTN.

- Các công trình nghiên cứu về YTĐĐ nói chung và YTĐĐTN nói riêng chủ yếu có tính mô tả, quy mô nhỏ lẻ, tập trung ở đô thị lớn (điển hình như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh); thiếu khảo sát và khái quát mang tính đại diện TN trên cả nước.

- Chưa có nhiều công trình nghiên cứu kết hợp giữa lý thuyết triết học Mác - Lênin với kết quả khảo sát, điều tra hiện đại để làm rõ thực trạng biểu hiện biến đổi của từng thành tố cấu trúc trong YTĐĐTN hiện nay gắn với các mối quan hệ chủ đạo của TN.

- Còn thiếu những nghiên cứu dài hạn, có hệ thống nhằm theo dõi sự biến đổi YTĐĐTN qua thời gian dưới tác động của nền KTTT, trong đó hướng đến nghiên cứu tập trung về các biểu hiện biến đổi của YTĐĐTN Việt Nam dưới tác động của KTTT ở Việt Nam hiện nay, từ đó đề xuất các

giải pháp cơ bản góp phần thúc đẩy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực của YTĐĐTN, đặc biệt là trong giai đoạn Việt Nam phát triển nền KTTT hiện đại gắn liền với hội nhập quốc tế và đẩy mạnh khoa học công nghệ, bước vào thời kì chuyển đổi số.

1.4.2. Hướng tiếp cận nghiên cứu của luận án

Một là, nghiên cứu sự biến đổi của YTĐĐTN dưới tác động của KTTT trên cơ sở xem xét sự tác động biện chứng, đa chiều với những mặt đối lập của mối quan hệ giữa kinh tế và đạo đức, từ đó chỉ ra tính quy luật của sự biến đổi trong tiến trình phát triển của nó.

Hai là, nghiên cứu sự biến đổi YTĐĐTN Việt Nam hiện nay là cách nhìn sự vật trong quá trình vận động, phát triển, từ trạng thái hiện thời của đối tượng có thể thấy những nguyên nhân, tính tất yếu và xu hướng của sự biến đổi YTĐĐTN Việt Nam dưới tác động của KTTT hiện nay; đồng thời bước đầu luận giải cơ chế tác động của KTTT, trong đó có vai trò của các yếu tố trung gian (gia đình, nhà trường, tổ chức TN như Đoàn, Hội, môi trường truyền thông số, các quan điểm dư luận xã hội) trong giáo dục, định hướng sự biến đổi tích cực của YTĐĐTN.

Ba là, đề xuất giải pháp chủ yếu nhằm thúc đẩy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở nước ta hiện nay, đặc biệt trong bối cảnh bước vào kỉ nguyên mới.

CHƯƠNG 2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ SỰ BIẾN ĐỔI YTĐĐTN DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA KTTT Ở VIỆT NAM

2.1. YTĐĐTN - một bộ phận của ý thức đạo đức xã hội

2.1.1. Quan niệm về đạo đức và ý thức đạo đức

Xuất phát từ quan điểm duy vật lịch sử, có thể khái quát: " Đạo đức là hệ thống các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực xã hội có vai trò định hướng, điều chỉnh, đánh giá một cách tự giác hành vi con người trong các mối quan hệ xã hội (mối quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với cộng đồng,

và với tự nhiên) ở các giai đoạn lịch sử nhất định". Cấu trúc đạo đức bao gồm YTĐĐ, hành vi đạo đức và quan hệ đạo đức.

Luận án thống nhất theo quan niệm: "YTĐĐ là một hình thái ý thức xã hội phản ánh tồn tại xã hội, bao gồm hệ thống những tri thức, tình cảm, niềm tin và lý tưởng về các quy tắc, chuẩn mực trong xã hội, qua đó thể hiện quan niệm về cái thiện, ác, tốt, xấu, lương tâm, trách nhiệm, hạnh phúc, công bằng,..., có chức năng định hướng, điều chỉnh, đánh giá các hành vi ứng xử và các mối quan hệ của cá nhân trong xã hội, được thực hiện một cách tự giác nhờ niềm tin cá nhân, tập quán, truyền thống, dư luận xã hội".

2.1.2. Khái niệm và đặc điểm của YTĐĐTN

** Khái niệm YTĐĐTN*

Luận án rút ra khái niệm YTĐĐTN như sau: "YTĐĐTN là một bộ phận thuộc ý thức đạo đức xã hội phản ánh tồn tại xã hội, bao gồm toàn bộ những quan niệm, tri thức, tình cảm, lý tưởng của TN về các giá trị, qui tắc, chuẩn mực xã hội, qua đó phản ánh quan niệm của TN về cái thiện, ác, cái tốt, xấu, lẽ phải, lương tâm, trách nhiệm, hạnh phúc, sự công bằng,… , có chức năng định hướng, điều chỉnh, đánh giá hành vi ứng xử và các mối quan hệ của TN, được người TN thực hiện một cách tự giác nhờ niềm tin cá nhân, tập quán, truyền thống, dư luận xã hội".

* *Đặc điểm nổi bật của YTĐĐTN:* có tính lý tưởng và giàu động cơ dấn thân***;*** tính tự chủ cao; tính xung đột giá trị; tính động.

2.1.3. Cấu trúc và biểu hiện của YTĐĐTN

** Cấu trúc của YTĐĐTN:* gồm *(1) Tri thức đạo đức của TN, (2) Tình cảm đạo đức của TN, (3) Niềm tin đạo đức của TN, (4) Lý tưởng đạo đức của TN*. Bốn thành tố này có mối quan hệ tương tác qua lại với nhau và cùng chi phối cũng như được thể hiện qua hành vi, quan hệ đạo đức của TN. Trong đó, tri thức đạo đức của TN xác định giới hạn cho hành vi đạo đức, tình cảm đạo đức của TN là động cơ chủ yếu thúc đẩy hành vi; ý chí, niềm tin đạo đức của TN là sức mạnh bên trong củng cố, dẫn dắt thực hiện hành vi đạo đức, còn lý tưởng đạo đức của TN định hướng, mục tiêu phấn đấu hoàn thiện cho

hành vi đạo đức. Thiếu một trong những thành tố của YTĐĐ trên thì TN không thể thực hiện hành vi đạo đức.

** YTĐĐTN được biểu hiện trong các mối quan hệ chủ đạo của TN với* các khía cạnh điển hình như:

(1) YTĐĐTN trong mối quan hệ với môi trường sống tự nhiên: YTĐĐTN về xây dựng, giữ gìn chất lượng cuộc sống lành mạnh, văn minh; về chuẩn mực đạo đức liên quan đến ứng xử, trách nhiệm, bổn phận của cá nhân và cộng đồng với môi trường thiên nhiên, đến hoạt động bảo vệ, giữ gìn, phát huy, cải tạo môi trường sống tự nhiên tốt đẹp, lành mạnh, vì sự phát triển bền vững,…

(2) YTĐĐTN trong đời sống cá nhân TN: YTĐĐTN về tầm quan trọng, giá trị, ý nghĩa, động cơ của học tập, lao động, vui chơi, giải trí,…; về thái độ ứng xử, trách nhiệm, nghĩa vụ, mục tiêu phấn đấu của bản thân thanh niên đối với việc học tập, lao động, nghề nghiệp, việc làm, sự nghiệp, giải trí,…; về ước mong, khát vọng hoàn thiện đạo đức và giá trị bản thân để lập thân, lập nghiệp.

(3) YTĐĐTN trong quan hệ với gia đình và xã hội: YTĐĐTN về trách nhiệm, bổn phận với gia đình, về chuẩn mực đạo đức, ứng xử trong gia đình; về giá trị và chuẩn mực đạo đức trong tình yêu, hôn nhân, hạnh phúc gia đình,… YTĐĐTN về trách nhiệm, bổn phận của bản thân với cộng đồng xã hội, YTĐĐTN về chuẩn mực đạo đức làm người, về chuẩn mực đạo đức với cộng đồng, xã hội, về chuẩn mực đạo đức cách mạng,…

2.2. Sự tác động của KTTT đến YTĐĐTN Việt Nam

2.2.1. Kinh tế thị trường ở Việt Nam

Đặc điểm của KTTT: Tôn trọng và thừa nhận tính độc lập, tự chủ của các chủ thể kinh tế; Hoạt động sản xuất và kinh doanh dựa theo yêu cầu của thị trường; KTTT phát triển trong điều kiện có nhiều thành phần kinh tế tồn tại đan xen trong sự hợp tác và cạnh tranh đồng thời có sự điều tiết của nhà nước; Xu thế của nền KTTT hiện đại là luôn gắn liền với quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và sự phát triển mạnh mẽ của khoa học – công nghệ.

Một số đặc điểm cơ bản của KTTT ở Việt Nam: KTTT ở Việt Nam là nền KTTT định hướng XHCN; Nền KTTT định hướng XHCN vận hành

theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước; Nền KTTT định hướng XHCN có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế cùng phát triển.

2.2.2. Chiều hướng và cơ chế tác động của KTTT đến YTĐĐTN

** Chiều hướng tác động của KTTT đến YTĐĐTN*: Bảo tồn, củng cố thêm các yếu tố hiện có trong YTĐĐTN; Thúc đẩy hình thành, phát triển các yếu tố mới trong YTDĐTN (bao gồm cả cái mới tích cực, tiêu cực); Kìm hãm, phá vỡ, phủ nhận các yếu tố cũ trong YTĐĐTN (bao gồm cả cái cũ tích cực, tiêu cực).

** Cơ chế tác động trực tiếp thông qua các yếu tố của nền KTTT:* Tác động từ các quy luật KTTT (Quy luật giá trị, quy luật cung cầu, Quy luật cạnh tranh giúp TN, Quy luật lợi nhuận tối đa…); Tác động từ các hoạt động kinh tế (Quá trình lao động, sản xuất kinh doanh, Hoạt động khởi nghiệp lập nghiệp …); Tác động từ các động lực kinh tế (Lợi ích kinh tế, Cạnh tranh, Hội nhập và giao lưu quốc tế...)

** Cơ chế tác động gián tiếp thông qua các yếu tố của các thiết chế xã hội (*Nhà nước, gia đình, nhà trường và các tổ chức xã hội, kênh truyền thông) và thông qua *hệ thống quan điểm, ý thức xã hội* (tạo nên tâm lý, dư luận xã hội).

2.3. Tính tất yếu, đặc điểm và những biểu hiện của sự biến đổi YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam

2.3.1. Tính tất yếu của sự biến đổi YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam

Sự biến đổi YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam là một tất yếu bởi nó chịu sự tác động của các yếu tố cốt lõi sau:

Thứ nhất, KTTT làm xuất hiện và phổ biến kiểu quan hệ xã hội mang tính lợi ích rất rõ nét, từ chỗ lấy chuẩn mực cộng đồng làm trung tâm sang việc thừa nhận tính chính đáng của lợi ích cá nhân.

Thứ hai, KTTT tạo ra sự phân hóa lợi ích và đa dạng hóa vị thế xã hội dẫn tới môi trường đa giá trị của đạo đức TN.

Thứ ba, KTTT gắn với quá trình toàn cầu hóa và cách mạng khoa học - công nghệ, làm cho YTĐĐ không còn bị giới hạn trong khuôn khổ truyền thống, mà trở thành một không gian mở của sự lựa chọn, so sánh và tái định hình giá trị.

Thứ tư, KTTT làm nảy sinh những mâu thuẫn nội tại trong đời sống xã hội, đặc biệt là mâu thuẫn giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội, giữa hiệu quả kinh tế và công bằng xã hội, buộc YTĐĐ phải vận động để tìm kiếm những hình thức điều chỉnh mới phù hợp hơn. Đồng thời, trong bối cảnh KTTT, các thiết chế xã hội (Nhà nước, nhà trường, gia đình, tổ chức xã hội, kênh truyền thông,…) đều chịu sự chi phối bao trùm của cơ chế thị trường, tác động dẫn truyền theo mức độ, phương thức khác nhau đến YTĐĐTN tạo nên những biến đổi đa chiều trong YTĐĐTN.

Thứ năm, thông qua hoạt động nhận thức và trải nghiệm thực tiễn của TN, nhận thức đạo đức không còn vận hành theo mô hình một chiều tiếp nhận mà chuyển sang mô hình lựa chọn - đánh giá - tái cấu trúc, sự chuyển dịch trong phương thức nhận thức đạo đức này là nguyên nhân chủ quan trực tiếp làm cho YTĐĐ biến đổi.

2.3.2. Đặc điểm của sự biến đổi YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam

Thứ nhất, sự biến đổi YTĐĐTN dưới tác động KTTT diễn ra trong sự tương tác, phát triển mâu thuẫn (tính mâu thuẫn).

Thứ hai, sự biến đổi YTĐĐTN dưới tác động KTTT luôn chịu sự chi phối tổng hòa và đồng thời từ nhiều nhân tố như kinh tế, chính trị, pháp lý, khoa học công nghệ, đời sống văn hóa, hoạt động giáo dục và tự giáo dục,... (tính tương tác đa chiều).

Thứ ba, sự biến đổi YTĐĐTN dưới tác động KTTT phản ánh mức độ thích ứng với yêu cầu chuẩn mực đạo đức xã hội (tính thích ứng).

Thứ tư, sự biến đổi YTĐĐTN thường diễn ra với tốc độ nhanh và nhạy cảm vượt trội dưới sự tác động của môi trường khách quan (tính nhạy cảm).

2.3.3. Những biểu hiện của sự biến đổi YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam

** Về nội dung và phạm vi biến đổi*

Luận án tập trung làm rõ sự biến đổi YTĐĐTN thể hiện tập trung ở bốn thành tố cấu trúc của YTĐĐTN: (1) sự biến đổi của tri thức đạo đức TN, (2) sự biến đổi của tình cảm đạo đức TN, (3) sự biến đổi của niềm tin

đạo đức TN, (4) sự biến đổi của lý tưởng đạo đức TN. Trong từng thành tố của YTĐĐTN sự biến đổi này được xem xét ở ba mối quan hệ đạo đức chủ đạo của TN (mối quan hệ của TN với chính bản thân, mối quan hệ của TN với cộng đồng xã hội, mối quan hệ của TN với thiên nhiên).

** Về mức độ và chiều hướng biến đổi*

Trong từng mối quan hệ của TN, ở các thành tố của YTĐĐTN, sự biến đổi YTĐĐTN thể hiện mức độ vận động của các giá trị chuẩn mực đạo đức: tức là ổn định, duy trì, có thay đổi ít hay có thay đổi nhiều, có thay đổi vừa phải, chuyển mình hay thay đổi mạnh mẽ, triệt để; có chuyển hóa trật tự, vị trí lựa chọn các giá trị chuẩn mực đạo đức (tức là sự thay đổi tầm quan trọng của các giá trị chuẩn mực đạo đức) trong YTĐĐTN; vận động thay đổi tích lũy về lượng dẫn đến thay đổi về chất trong YTĐĐTN (tức là định hình ngày càng rõ nét những giá trị đạo đức mới, mở rộng những lĩnh vực đạo đức mới gồm cả tích cực và tiêu cực, thậm chí có thể hình thành diện mạo đạo đức mới).

Chiều hướng biến đổi YTĐĐTN biểu hiện điển hình như: vừa duy trì, củng cố, phát huy, làm gia tăng, đậm nét hơn những chuẩn mực giá trị đạo đức đã và đang có; vừa xuất hiện những chuẩn mực giá trị đạo đức mới, với phương thức biểu hiện mới trên nền tảng kế thừa, tiếp biến; xuất hiện và gia tăng những biểu hiện lệch lạc, tiêu cực trong YTĐĐTN.

** Về xu hướng biến đổi*

Sự biến đổi của YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam được xem xét theo mức độ tích cực, tiến bộ và không tích cực, không tiến bộ của sự vật ở thời điểm sau so với thời điểm trước. Sự vật ở thời điểm sau so với thời điểm trước có thể tiến bộ nhiều hơn, tiến bộ ít hơn, tiến bộ không nhiều hơn và không ít hơn, hoặc là thoái bộ.

Cơ sở đánh giá xu hướng biến đổi:

Sự biến đổi YTĐĐTN tích cực là quá trình thay đổi của YTĐĐTN hướng tới sự tốt đẹp hơn, tiên tiến hơn, mang lại lợi ích cho môi trường xung quanh, cho bản thân người TN, cộng đồng, xã hội, quốc gia, thế giới,… Sự biến đổi tiến bộ cũng có thể hiểu là sự phát triển trong

YTĐĐTN ngày càng tiệm cần dần đến mục tiêu chuẩn mực đạo đức đặt ra. Sự biến đổi YTĐĐTN tiêu cực là sự thay đổi theo hướng xấu, tác động không tốt, có biểu hiện bảo thủ, trì trệ, lạc hậu, lệch lạc gây ra những hậu quả làm tổn hại đến môi trường xung quanh, đến lợi ích cá nhân người TN, lợi ích cộng đồng, quốc gia, quốc tế, làm xói mòn hay đi ngược lại hoặc không đáp ứng yêu cầu phát triển của chuẩn mực đạo đức xã hội, của nhân loại,...

CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG SỰ BIẾN ĐỔI YTĐĐTN DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA KTTT Ở VIỆT NAM HIỆN NAY VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. Khái quát tình hình thanh niên Việt Nam hiện nay

Đại hội Đoàn toàn quốc khóa XIII (2026-2031) đã cập nhật tình hình dân số TN năm 2025 là 21.658.101 người, chiếm 20,26% dân số cả nước. Các số liệu thống kê cho thấy: Trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ thuật của TN Việt Nam ngày càng tăng, gắn với nhu cầu về nghề nghiệp để nâng cao chất lượng cuộc sống. Tỉ lệ TN có việc làm có xu hướng tăng. Mặt khác, dân số TN Việt Nam hiện nay có xu hướng già hóa. Điều này đặt ra thách thức về nguồn nhân lực trẻ trong nền KTTT hiện nay, tăng nhanh tỉ lệ dân số phụ thuộc. Đồng thời, trình độ học vấn, xu hướng lựa chọn nghề nghiệp, việc làm dưới tác động của nền KTTT cũng tác động nhất định đến nhận thức và nhu cầu của TN, trở thành yếu tố ảnh hưởng đến sự biến đổi về YTĐĐTN trong giai đoạn hiện nay.

3.2. Thực trạng biến đổi YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam hiện nay

3.2.1. Thực trạng biến đổi tri thức đạo đức của TN

***** Một là, tri thức đạo đức TN về giá trị cái tôi cá nhân ngày càng định hình rõ nét và có những nội dung, cách thức biểu hiện mới

* Hai là, tri thức đạo đức TN ngày càng đề cao tính thực tế, hữu dụng, hiệu quả kinh tế, chi phối việc lựa chọn các chuẩn mực đạo đức, định hướng hành vi đạo đức của TN

* Ba là, tri thức đạo đức TN có sự bổ sung, tiếp nhận, coi trọng các giá trị sống mới phù hợp với yêu cầu phát triển nền KTTT hiện đại nhằm duy trì sự bình đẳng, ổn định, phát triển cộng đồng, giải quyết hài hòa lợi ích cá nhân - cộng đồng

* Bốn là, tri thức đạo đức TN định hình ngày càng rõ nét những giá trị mới và có những điều chỉnh thứ tự các giá trị ưu tiên trong mối quan hệ với môi trường sống tự nhiên

* Năm là, tri thức đạo đức TN có chiều hướng gia tăng một số biểu hiện suy thoái trong nhận thức và hành vi đạo đức

3.2.2. Thực trạng biến đổi tình cảm đạo đức của TN

* Một là, tình cảm đạo đức của TN tiếp tục được bồi đắp, gia tăng đối với các giá trị đạo đức truyền thống

* Hai là, tình cảm đạo đức TN chuyển mình theo hướng vừa kế thừa các giá trị truyền thống, vừa chịu sự chi phối ngày càng rõ nét của các yếu tố lợi ích và hoàn cảnh hiện thực

* Ba là, tình cảm đạo đức TN có sự suy giảm và lệch lạc về thái độ, động cơ thực hiện giá trị đạo đức trong các hoạt động của đời sống cá nhân TN

* Bốn là, trong việc rèn luyện đạo đức làm người, tình cảm đạo đức TN có biểu hiện suy giảm ủng hộ những phẩm chất đạo đức tốt đẹp, gia tăng sự cổ xúy cho những biểu hiện lệch lạc, biến tướng thành những căn bệnh mới nguy hại đến phát triển đạo đức xã hội

3.2.3. Thực trạng biến đổi niềm tin đạo đức của TN

* Một là, niềm tin đạo đức của TN trong hiểu biết, nhận thức về các giá trị đạo đức truyền thống tiếp tục được duy trì, củng cố

* Hai là, niềm tin đạo đức của TN có biểu hiện suy giảm, lệch lạc trong ủng hộ, bảo vệ, duy trì các giá trị đạo đức truyền thống và có xu hướng thiếu kiên định, nhất quán khi hiện thực hóa, lan tỏa giá trị đạo đức trong cộng đồng

* Ba là, niềm tin đạo đức trong thực hiện, rèn luyện đạo đức cách mạng ở TN có chiều hướng sa sút và gia tăng biến tướng phức tạp gây nguy cơ lớn đến đời sống chính trị xã hội

3.2.4. Thực trạng biến đổi lý tưởng đạo đức của TN

* Một là, lý tưởng đạo đức TN có xu hướng gia tăng thêm những chuẩn mực đạo đức mới nhằm đáp ứng yêu cầu thời đại

* Hai là, lý tưởng đạo đức TN có xu hướng đề cao, vươn tới các giá trị cao đẹp nhưng cụ thể, thiết thực, thực chất, không viển vông, chung chung, mơ hồ

* Ba là, lý tưởng đạo đức của TN có biểu hiện gia tăng sai lệch về tôn sùng giá trị trong đời sống cá nhân của TN

3.3. Đánh giá thực trạng, nguyên nhân và một số vấn đề đặt ra từ thực trạng biến đổi YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam hiện nay

3.3.1. Đánh giá thực trạng

** Thứ nhất, về nội dung biến đổi:*

Tri thức đạo đức và lý tưởng đạo đức của TN Việt Nam có xu hướng biến đổi đa dạng hệ giá trị nhưng thiếu tính nhất quán, định hướng và tiêu chí chuẩn mực rõ ràng, làm gia tăng nguy cơ khủng hoảng giá trị, sai lệch hành vi đạo đức ở TN. Lý tưởng đạo đức của TN đang có sự chuyển dịch theo hướng vừa đa giá trị, vừa cá nhân hóa và thực tiễn hóa. Điều này càng khiến lý tưởng đạo đức TN đối mặt với mâu thuẫn giữa mục tiêu phát triển cá nhân và mục tiêu trách nhiệm xã hội.

Tình cảm đạo đức TN không còn mang tính ổn định xuôi chiều mà đã chuyển sang xu hướng linh hoạt theo hoàn cảnh bản thân, các phản ứng tình cảm của TN cũng có xu hướng gắn với lợi ích cụ thể, thay vì hoàn toàn dựa trên các chuẩn mực đạo đức truyền thống. Niềm tin đạo đức của TN đang có sự biến đổi theo hướng phân hóa và thiếu vững chắc hơn so với trước. Đã xuất hiện mâu thuẫn, chênh lệch, phân hóa giữa niềm tin trong nhận thức đạo đức và niềm tin trong thực hành đạo đức ở TN.

***** *Thứ hai, về mức độ biến đổi:*

Sự biến đổi YTĐĐTN hiện nay diễn ra mạnh về tốc độ biến đổi và rộng về biên độ phạm vi biến đổi: Các biến đổi này đề diễn ra đồng loạt ở cả bốn thành tố cấu trúc của YTĐĐTN với sự gia tăng bổ sung dày xen cùng lúc nhiều lớp giá trị (giá trị cá nhân, giá trị cộng đồng, giá trị quốc gia, giá trị nhân loại); biến đổi tiến bộ đi kèm với những biến đổi lệch chuẩn, lan tràn mạnh mẽ do được tiếp lực bởi truyền thông, công nghệ.

Các biến đổi này đều diễn ra đa dạng ở các mối quan hệ đạo đức của TN theo các mức độ và nội dung khác nhau, trong đó, đặc biệt biến đổi mạnh mẽ nhất nằm ở mối quan hệ đạo đức cá nhân với cộng đồng theo hướng sâu sắc hơn tính cá nhân, bao trùm, chi phối cả bốn thành tố cấu trúc của YTĐĐTN và các mối quan hệ đạo đức của TN. YTĐĐTN cũng mở rộng phạm vi về các lĩnh vực đời sống thể hiện sự quan tâm đa dạng của YTĐĐTN về đạo đức mới mang tính thời đại như đạo đức sinh thái, đạo đức số, đạo đức tiêu dùng, có sự mở rộng trong không gian thực hiện YTĐĐ của TN gồm cả môi trường sống (thực) và môi trường số (ảo).

** Thứ ba, về xu hướng biến đổi:*

Ở góc độ tích cực, tiến bộ: Về cơ bản,YTĐĐTN đang theo hai chiều hướng vừa nỗ lực làm dày dặn phong phú hơn giá trị đạo đức truyền thống theo phương thức thể hiện ngày càng năng động, hiện đại, chủ động thiết lập, định hình thêm rõ nét và mạnh mẽ những giá trị đạo đức mới phù hợp với bước tiến của thời đại. YTĐĐTN đang chuyển mình mạnh mẽ từ bản chất đạo đức lý thuyết sang đạo đức hành động của thế hệ công dân toàn cầu, từ đạo đức giáo điều sang đạo đức thực chất. YTĐĐTN cũng có sự chuyển đổi rõ nét từ cơ chế thụ động tuân thủ sang chủ động kiến tạo.

Ở góc độ tiêu cực, phản tiến bộ: Trong quá trình thương lượng, đối thoại, gạn lọc ở YTĐĐTN không tránh khỏi sự thỏa hiệp, sa ngã, bị lôi kéo, hấp thu, bị chi phối bởi cái xấu, phản tiến bộ dẫn đến sự lệch chuẩn, tiêu cực, khủng hoảng, mất phương hướng.

3.3.2. Nguyên nhân của sự biến đổi

Với phạm vi nghiên cứu của đề tài tập trung xem xét sự biến đổi YTĐĐTN dựa trên mối quan hệ tác động của tồn tại xã hội (cốt lõi là yếu tố kinh tế) tới ý thức xã hội (yếu tố đạo đức), có thể đánh giá về nguyên nhân thực trạng biến đổi YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam hiện nay ở những điểm cơ bản sau:

Một là, thực tiễn biến đổi của tình hình kinh tế - xã hội ở Việt Nam

Hai là, xu thế của nền KTTT ở Việt Nam giai đoạn hiện nay

Ba là, sự nhận thức và vai trò tác động của các thiết chế xã hội

Bốn là, đặc điểm chủ quan của TN

3.3.3. Một số vấn đề đặt ra từ sự biến đổi

Thứ nhất, vấn đề định hướng và thiết lập tính thống nhất của tri thức đạo đức của thanh niên trong điều kiện đa dạng hóa hệ giá trị

Thứ hai, vấn đề biến đổi và tái cấu trúc tình cảm đạo đức của thanh niên trong bối cảnh cá nhân hóa đời sống xã hội

Thứ ba, vấn đề khắc phục khủng hoảng và củng cố niềm tin đạo đức của TN trong điều kiện phân hóa xã hội để thúc đẩy hiện thực hóa hành vi đạo đức của TN

Thứ tư, vấn đề định hướng và xây dựng lý tưởng đạo đức cho TN trong điều kiện đa dạng hóa mục tiêu sống

CHƯƠNG 4. QUAN ĐIỂM ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẰM THÚC ĐẨY NHỮNG BIẾN ĐỔI TÍCH CỰC VÀ HẠN CHẾ NHỮNG BIẾN ĐỔI TIÊU CỰC CỦA YTĐĐTN DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA KTTT Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

4.1.Một số quan điểm định hướng

4.1.1.Hoàn thiện thể chế KTTT định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm tạo tiền đề thúc đẩy biến đổi tích cực của YTĐĐTN

Hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN, xây dựng, hoàn thiện pháp luật, cơ chế chính sách của Nhà nước nhằm tạo môi trường kinh tế - xã hội, hành lang pháp lý thuận lợi để phát huy, thúc đẩy những biến đổi tích cực, tiến bộ, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong YTĐĐTN hiện nay.

Mặt khác, điều này sẽ giúp mọi lực lượng trong xã hội đặc biệt là TN có nhận thức đầy đủ, rõ ràng hơn và thêm vững vàng, tin tưởng vào mô hình KTTT mà Việt Nam lựa chọn, tự hào về thành quả phát triển đất nước dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng.

4.1.2. Tăng cường sự phối hợp giữa các thiết chế xã hội và truyền thông trong định hướng giá trị, giáo dục đạo đức cho TN, đặc biệt coi trọng phát triển năng lực tự giáo dục đạo đức của TN

Nền KTTT không thể tự nó định hình nên thế hệ TN có đạo đức hoàn hảo. Cần thiết phải có các công cụ của kiến trúc thượng tầng (Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, hoạt động giáo dục, chăm lo của nhà trường, gia đình cùng nhiều lực lượng xã hội và truyền thông để không chỉ phát huy mặt tác động tích cực của KTTT đến đạo đức TN mà còn giúp chủ động trang bị, định hướng, uốn nắn ý thức và năng lực thực hành đạo đức ở TN, bao gồm cả bồi đắp cho TN năng lực tự giáo dục đạo đức, thích ứng với hoàn cảnh, đóng góp vào sự dẫn dắt, phát triển xã hội theo hướng nhân văn.

4.1.3. Bám sát mục tiêu xây dựng hệ giá trị văn hóa, con người Việt Nam nói chung và xây dựng hình mẫu thanh niên thời kì mới nói riêng nhằm định vị phương hướng xây dựng, phát triển YTĐĐ tiến bộ cho TN

Hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam cùng hình mẫu TN Việt Nam thời kì mới là những cơ sở lí luận, nền tảng định hướng quan trọng, trực tiếp cho việc xây dựng phẩm chất đạo đức người TN thời kì mới, trực tiếp định hướng lý tưởng đạo đức cho TN một cách cụ thể, khả thi. Từ đây, các chủ thể giáo dục (bao gồm cả TN) sẽ có phương hướng, mục tiêu rõ ràng để lựa chọn nội dung, phương thức giáo dục đạo đức mới cho TN đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

4.2. Một số giải pháp cụ thể

4.2.1. Xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, chính sách kinh tế - xã hội nhằm tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy biến đổi tích cực, hạn chế biến đổi tiêu cực trong ý thức đạo đức thanh niên

Đẩy mạnh đầu tư phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp tạo tác động xã hội, phát triển bền vững đồng thời hướng tới xây dựng thị trường tiêu dùng có đạo đức cho TN

Coi trọng việc thể chế hóa các giá trị đạo đức và giá trị cộng đồng vào các tiêu chuẩn kinh doanh, coi đạo đức là một lợi thế cạnh tranh trong môi trường lao động, kinh doanh của người trẻ

Đẩy mạnh chính sách đầu tư phát triển thị trường đối với các lĩnh vực kinh doanh mang bản sắc dân tộc, đồng thời không ngừng kiến tạo, phát huy và có cơ chế quản lý đồng bộ, nghiêm minh những mô hình kinh tế mới năng động trong nền kinh tế thị trường hiện đại

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội và giảm thiểu sự bất bình đẳng trong xã hội bằng các cơ chế, chính sách, pháp luật công bằng, nghiêm minh cho TN

4.2.2. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác giáo dục đạo đức cho thanh niên trong sự phối kết hợp chặt chẽ, đồng bộ của cả hệ thống chính trị, các hiệp hội, gia đình, nhà trường, và các lực lượng khác trong xã hội

Về mục tiêu giáo dục: Xây dựng thế hệ thanh niên thời kỳ mới có lý tưởng cách mạng; lòng yêu nước; có bản lĩnh, có hoài bão, đạo đức tốt; có tri thức sâu rộng, thể chất khỏe mạnh và tâm hồn giàu bản sắc văn hóa Việt Nam, *trở thành những công dân toàn cầu mang hồn Việt*, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"

Về chủ thể giáo dục: phát huy vai trò và trách nhiệm đồng bộ, hiệu quả của cả hệ thống chính trị và các lực lượng trong xã hội. Đảng, nhà nước và cả hệ thống chính trị, gia đình, nhà trường và xã hội (các tổ chức tiến bộ, đặc biệt là tổ chức cách mạng của TN, các cá nhân uy tín, truyền cảm hứng cho TN, bản thân TN vừa là đối tượng và chủ thể giáo dục chính mình .

Về nội dung giáo dục: kết hợp giáo dục đạo đức, lối sống với làm tốt việc giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục truyền thống, giáo dục pháp luật, gắn với việc giáo dục nội dung Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, gắn với giáo dục hội nhập, giáo dục dân số, giáo

dục môi trường, giáo dục giá trị và các vấn đề thời đại khác cho TN để giúp hình thành những chuẩn mực giá trị đạo đức mới của một người TN hiện đại, văn minh mang các phẩm chất của công dân toàn cầu.

Về phương thức giáo dục: Ưu tiên giáo dục thông qua cơ chế nêu gương và đồng hành đối thoại; Đẩy mạnh giáo dục thông qua internet, mạng xã hội; Tăng cường giáo dục thông qua hoạt động thực tiễn, phát huy vai trò giáo dục của các tổ chức thanh niên với hạt nhân nòng cốt là Đoàn Thanh niên; Tận dụng, khai thác con đường giáo dục đạo đức thông qua nghệ thuật, thẩm mĩ; Phát huy vai trò giáo dục của những cá nhân có uy tín, có tầm ảnh hưởng tích cực đến thanh niên trong sự giám sát, quản lý của cơ quan chức năng.

4.2.3. Xây dựng cơ chế tự giáo dục, tự rèn luyện và khuyến khích tính tự giác học tập, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của thanh niên trong bối cảnh mới

Mỗi TN cần chủ động, tích cực quan sát cảm xúc, và tìm kiếm phản hồi từ người xung quanh, từ dư luận xã hội, biết cách lắng nghe cảm xúc bản thân và dành thời gian tâm sức phù hợp để chiêm nghiệm, phản tư về những gì đã, đang và sẽ trải qua, chủ động cắt giảm sự phụ thuộc vào mạng xã hội, sống chậm lại và tìm lại sự kết nối thật sự trong đời sống hàng ngày, tự rèn luyện tư duy phản biện; tự bồi dưỡng tình cảm đạo đức trong sáng, tự xây dựng củng cố niềm tin đạo đức vững chắc, xác lập và luôn khát khao vươn tới lý tưởng đạo đức nhân văn, tiến bộ. TN phải không ngừng tự rèn luyện những kỹ năng cần thiết, sẵn sàng đối mặt và chủ động tham gia giải quyết các tình huống, bối cảnh, sự kiện có sự va chạm thử thách, nhất là các tình huống chứa đựng những xung đột mâu thuẫn về lợi ích, về hệ giá trị, về niềm tin trong các hoạt động sinh hoạt, lao động, học tập hàng ngày, và tự đánh giá hành vi của mình để đối chiếu với những chuẩn mực do xã hội đặt ra.

KẾT LUẬN CHUNG

Sự biến đổi YTĐĐTN Việt Nam dưới tác động của KTTT là một hiện tượng mang tính quy luật, phản ánh trực tiếp sự biến động của đời sống xã hội trong điều kiện phát triển mới. Trên cơ sở tiếp cận triết học, những phân tích trong luận án cho thấy, YTĐĐTN không tồn tại như một thực thể tĩnh tại, mà luôn vận động, biến đổi trong mối quan hệ biện chứng với tồn tại xã hội. Trong quá trình chuyển đổi sang nền KTTT định hướng XHCN, các quan hệ xã hội không chỉ thay đổi về phương thức tổ chức và vận hành mà còn kéo theo sự biến đổi sâu sắc trong hệ giá trị và đời sống tinh thần của con người, trong đó TN là lực lượng chịu tác động nhanh và rõ nét nhất.

Trên bình diện lý luận, luận án đã góp phần làm rõ cơ chế tác động của KTTT đối với YTĐĐTN, chỉ ra tác động này vừa trực tiếp vừa gián tiếp, mang tính hai mặt: vừa thúc đẩy sự phát triển của ý thức cá nhân, năng lực lựa chọn giá trị và tinh thần tự chủ, vừa làm nảy sinh xu hướng thực dụng hóa, cá nhân hóa và phân hóa hệ giá trị. Qua đó, luận án khẳng định: sự biến đổi YTĐĐTN không thể được hiểu theo logic suy thoái hay tiến bộ đơn tuyến, mà cần được nhận diện như một quá trình tái cấu trúc hệ giá trị trong điều kiện mới.

Trên bình diện thực tiễn, luận án đã chỉ ra những biểu hiện biến đổi cơ bản trong YTĐĐTN từ phương diện cấu trúc của YTĐĐTN, thể hiện ở sự đa dạng hóa trong nhận thức, sự điều chỉnh trong tình cảm, sự dao động trong niềm tin và sự chuyển dịch trong lý tưởng sống. Những biến đổi này không tồn tại rời rạc, mà gắn kết với nhau trong một chỉnh thể, phản ánh sự thích ứng của TN trước những biến đổi của cơ chế thị trường và môi trường xã hội hiện đại. Đồng thời, từ những biểu hiện đó, luận án đã nhận diện được những nguyên nhân cơ bản và một số vấn đề đặt ra trong quá trình biến đổi YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam hiện nay.

Trên cơ sở nhận diện các mâu thuẫn đó, luận án đã đề xuất hệ thống quan điểm và giải pháp nhằm định hướng sự phát triển YTĐĐTN trong điều kiện KTTT. Điểm nhấn của các quan điểm và giải pháp này không chỉ

nằm ở việc khắc phục những biến đổi tiêu cực, mà quan trọng hơn là ở việc phát huy những yếu tố tích cực của quá trình biến đổi, thông qua việc xây dựng một hệ giá trị mang tính tích hợp, bảo đảm sự thống nhất giữa phát triển cá nhân và trách nhiệm xã hội. Từ đó có thể thấy rằng, định hướng sự phát triển YTĐĐTN trong điều kiện KTTT không chỉ là nhiệm vụ mang tính giáo dục, mà còn là một quá trình tác động đa chiều, đòi hỏi sự tác động đồng bộ từ các yếu tố kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội.

Từ những phân tích trên, có thể thấy rằng vấn đề biến đổi YTĐĐTN dưới tác động của KTTT là một hiện tượng xã hội gắn liền với sự vận động của xã hội hiện đại. Trong bối cảnh đó, yêu cầu đặt ra không phải là tìm cách "ngăn chặn" sự biến đổi, mà là định hướng sự biến đổi theo những giá trị tiến bộ, bảo đảm sự phát triển hài hòa giữa con người cá nhân và con người xã hội. Điều này đòi hỏi phải tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về mối quan hệ giữa kinh tế và đạo đức, giữa lợi ích và giá trị, giữa tự do cá nhân và trách nhiệm xã hội trong những điều kiện mới.

Ở một tầm khái quát hơn, sự biến đổi YTĐĐTN chính là biểu hiện sinh động của quá trình con người thích ứng với những biến đổi của thời đại. Do đó, việc định hướng quá trình này không chỉ có ý nghĩa đối với sự phát triển của TN, mà còn có ý nghĩa đối với việc xây dựng nền tảng đạo đức của toàn xã hội, góp phần bảo đảm sự phát triển bền vững của đất nước trong điều kiện KTTT và hội nhập quốc tế, tiến mạnh vào kỉ nguyên mới.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Phạm Thu Hà (2021), "Về ý thức đạo đức thanh niên dưới tác động của kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam hiện nay", *Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội*, Số 08 (99), tr. 79-85, ISSN: 0866-756X.
2. Pham Thu Ha (2023), "Case study on moral sense among Vietnamese youth under the current socialist-oriented economy" , *Universum: Social Sciences*, № 5(96), pp. 23-28,
   DOI - 10.32743/UniSoc.2023.96.5.15549, ISSN 2311-5327.
3. Phạm Thu Hà (2024), "Đánh giá mức độ của ý thức đạo đức thanh niên trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay và một số vấn đề đặt ra", *Tạp chí Thanh niên nghiên cứu khoa học*, Số 58, tr.37-43, ISSN: 2734-9039.
4. Phạm Thu Hà (2025), "Phát huy vai trò của Đoàn Thanh niên và các tổ chức thanh niên trong giáo dục đạo đức cho thanh niên hiện nay", *Tạp chí Nghiên cứu triết học*, Số 28 (11-2025), ISSN: 2734-990X.
5. Pham Thu Ha (2025), "A study on the changes in youth morals under the impact of the market economy in Viet Nam today", *The Third International Conference on the issues of social sciences and humanities Volume 2*, pp. 296-309, ISBN: 978-604-43-4874-2.
6. Pham Thu Ha (2025), "Trends in the change of moral awareness of Vietnamese youth under the impact of the market economy today", *Problems of Modern Science and Education*, № 10 (209), pp. 22-30, DOI 10.24411/2304-2338-2025-11003, ISSN 2304–2338 (Print), ISSN 2413–4635 (Online).